

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017  
Kèm theo  
**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



## **MỤC LỤC**

	Trang
<b>1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc</b>	[1] - [4]
<b>2. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	[5] - [6]
<b>3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
- Bảng cân đối kế toán	[7] - [8]
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	[9]
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	[10] - [11]
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	[12] - [37]

# CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH

Địa chỉ: Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần May Phú Thành (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần May Phú Thành là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500578254 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2008 và được đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 24 tháng 03 năm 2017.

### 2. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc

Thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Viết Tùng	Chủ tịch HĐQT
- Bà Tạ Thị Nga	Ủy viên
- Ông Chu Ngọc Cường	Ủy viên
- Ông Nguyễn Viết Đạt	Ủy viên
- Ông Trịnh Đắc Hạnh	Ủy viên

Thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Viết Tùng	Tổng Giám đốc
- Ông Chu Ngọc Cường	Phó Tổng giám đốc

Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau :

<u>Họ và tên :</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Việt Cường	Trưởng ban (Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2017)
- Bà Bùi Thị Lệ Thúy	Trưởng ban (Bổ nhiệm từ ngày 28/04/2017)
- Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên

### 3. Trụ sở

Công ty có trụ sở chính tại cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

### 4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**5. Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Trong năm 2017, công ty thoái một phần vốn góp tại Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng. Do vậy, đến ngày 31/12/2017 Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng là công ty liên kết của Công ty Cổ phần May Phú Thành.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 090102/2017/MPT/NQ-HĐQT ngày 09/01/2017 thông qua việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Melange Việt Nam, Công ty Cổ phần May Phú Thành đầu tư 7,2 tỷ tương đương tỷ lệ sở hữu là 48% vào Công ty Cổ phần Melange Việt Nam.

**6. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ**

Công ty thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Dệt may Supertex theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1001/2018/MPT/NQ-HĐQT ngày 10/01/2018 của Công ty Cổ phần May Phú Thành.

**7. Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

**8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**9. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc**

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Việt Tùng

Số: 36/2018/BCKT-PKF.VPHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017  
của Công ty Cổ phần May Phú Thành

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc  
Công ty Cổ phần May Phú Thành**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần May Phú Thành được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 07 đến trang 37 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc**

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần May Phú Thành chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần May Phú Thành, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



**Trần Thị Nguyệt**  
Phó Tổng giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0589-2018-242-1

**Trần Thị Yến Ngọc**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0926-2015-242-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÙ THÀNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>119.757.621.751</b>	<b>100.714.586.638</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>658.969.428</b>	<b>2.720.800.801</b>
1. Tiền	111	5.1	658.969.428	2.720.800.801
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>79.171.306.730</b>	<b>59.602.365.316</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	33.132.690.487	27.215.021.024
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	22.030.148.513	31.418.885.353
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	6.900.000.000	-
4. Các khoản phải thu khác	136	5.4	17.803.282.191	1.010.314.999
5. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137	5.9	(694.814.461)	(41.856.060)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>37.127.299.542</b>	<b>34.575.859.028</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.6	37.127.299.542	34.575.859.028
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.800.046.051</b>	<b>3.815.561.493</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	68.176.299	116.203.518
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.729.966.348	3.697.454.571
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	1.903.404	1.903.404
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>119.850.317.981</b>	<b>146.298.996.009</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>31.194.004.652</b>	<b>28.269.915.774</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		31.194.004.652	28.269.915.774
- Nguyên giá	222	5.10	36.778.368.556	30.653.914.011
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	5.10	(5.584.363.904)	(2.383.998.237)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>227.000.000</b>	<b>-</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.7	227.000.000	-
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>81.334.285.714</b>	<b>108.420.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.8	47.914.285.714	75.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.8	33.420.000.000	33.420.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.095.027.615</b>	<b>9.609.080.235</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	7.095.027.615	9.609.080.235
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>239.607.939.732</b>	<b>247.013.582.647</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mẫu số B 01 – DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>78.887.445.063</b>	<b>85.256.579.082</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>70.638.272.401</b>	<b>72.602.791.035</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	21.936.555.174	28.607.043.400
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	5.059.574.857	1.011.615.940
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.227.902.963	2.729.091.057
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	80.000.000	160.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	-	43.094.964
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	41.352.961.478	39.470.667.745
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		981.277.929	581.277.929
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.249.172.662</b>	<b>12.653.788.047</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	8.249.172.662	12.653.788.047
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>5.18</b>	<b>160.720.494.669</b>	<b>161.757.003.565</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>160.720.494.669</b>	<b>161.757.003.565</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		155.520.000.000	155.520.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	5.18	155.520.000.000	155.520.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	5.18	1.162.555.858	1.162.555.858
3. Lợi nhuận chưa phân phối	421	5.18	4.037.938.811	5.074.447.707
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		8.847.707	2.498.761.421
- LNST chưa phân phối năm này	421b		4.029.091.104	2.575.686.286
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>239.607.939.732</b>	<b>247.013.582.647</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nông Kim Nhân

Nông Kim Nhân

Nguyễn Việt Tùng

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2017

Mẫu số B 02 – DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	01	6.1	<b>105.744.413.090</b>	<b>77.895.254.260</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	87.274
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10		<b>105.744.413.090</b>	<b>77.895.166.986</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	11	6.3	<b>93.021.600.319</b>	<b>68.424.269.200</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>12.722.812.771</b>	<b>9.470.897.786</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	1.055.697.291	843.179.766
7. Chi phí tài chính	22	6.5	4.467.511.789	2.898.616.090
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.456.122.492	2.848.130.353
8. Chi phí bán hàng	25	6.8	630.781.775	300.723.643
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	2.759.231.282	1.692.935.243
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>5.920.985.216</b>	<b>5.421.802.576</b>
11. Thu nhập khác	31	6.6	260.070.483	202.000.106
12. Chi phí khác	32	6.7	908.133.971	68.820.502
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	40		<b>(648.063.488)</b>	<b>133.179.604</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	50		<b>5.272.921.728</b>	<b>5.554.982.180</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.10	1.243.830.624	1.124.760.536
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.11	-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	60		<b>4.029.091.104</b>	<b>4.430.221.644</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		259	448

Người lập

Nông Kim Nhân

Kế toán trưởng

Nông Kim Nhân

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Tùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Theo phương pháp gián tiếp (Năm 2017)

Mẫu số B 03 – DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>5.272.921.728</b>	<b>5.554.982.180</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.200.365.667	1.702.171.049
- Các khoản dự phòng	03		652.958.401	41.856.060
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có	04		(192.059)	(21.200)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.055.505.232)	(843.158.566)
- Chi phí lãi vay	06		4.456.122.492	2.848.130.353
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>12.526.670.997</b>	<b>9.303.959.876</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.518.687.454	(44.796.706.875)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.551.440.514)	(20.710.755.100)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.739.802.899)	14.200.685.121
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.562.079.839	(9.434.189.201)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.456.122.492)	(2.848.130.353)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.750.840.092)	(1.921.471.500)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5.109.232.293</b>	<b>(56.206.608.032)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.124.454.545)	(23.492.906.011)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.500.000.000)	(26.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.600.000.000	35.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(7.200.000.000)	(15.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		17.355.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.055.505.232	843.158.566
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.813.949.313)</b>	<b>(29.147.747.445)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	48.000.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		78.922.956.983	76.192.008.889

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Theo phương pháp gián tiếp ( tiếp theo)  
Năm 2017

Mẫu số B 03 – DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(81.445.278.635)	(39.064.124.116)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.834.984.760)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5.357.306.412)</b>	<b>85.127.884.773</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(2.062.023.432)</b>	<b>(226.470.704)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>2.720.800.801</b>	<b>2.947.250.305</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		192.059	21.200
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>658.969.428</b>	<b>2.720.800.801</b>

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc

Nông Kim Nhân

Nông Kim Nhân



Nguyễn Việt Tùng



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B09-DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần May Phú Thành là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500578254 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15 tháng 01 năm 2008 và được đăng ký thay đổi lần thứ 07 vào ngày 24 tháng 03 năm 2017.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:**

Hoạt động chính của Công ty là:

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất sợi;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác. Chi tiết: Sản xuất hàng dệt kim, may mặc xuất khẩu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất hàng may mặc, thêu ren, sản xuất các loại hàng dệt khác;
- Dịch vụ liên quan đến in;
- In ấn;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện. Chi tiết: Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác máy dệt, may, da giày;
- Bán buôn các máy móc, thiết bị ngành dệt;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép. Chi tiết: Mua bán hàng dệt kim, may mặc xuất khẩu;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Sản xuất ca cao, sôcôla và mút kẹo;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm nhựa;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

**Cấu trúc doanh nghiệp:**

Công ty có trụ sở chính tại cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 70 người, trong đó số nhân viên quản lý là 06 người.

**2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Công ty áp dụng các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

**3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND)

**4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG**

**4.1. Ước tính kế toán**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

**4.3. Các giao dịch ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện phát sinh trong năm tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ tài chính.

**4.4. Nợ phải thu**

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

**4.5. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ được hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

**4.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

**4.6.1 Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của công ty như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	5 - 10 năm
Máy móc thiết bị	6 - 10 năm

**4.6.2 Tài sản cố định vô hình****4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

**4.8. Các khoản đầu tư tài chính**

Nguyên tắc xác định giá trị của các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá gốc. Công ty mẹ chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty mẹ nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:**

- Công ty con là công ty mà Công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu số B09-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.
- Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

**4.9. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ (có giá trị nhỏ hơn 30 triệu đồng), chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

**4.10. Nợ phải trả**

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

**4.11. Chi phí phải trả:**

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính, nhưng chưa được thực chi vào thời điểm kết thúc năm tài chính, bao gồm: chi phí kiểm toán. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**4.12. Vốn chủ sở hữu**

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**4.13. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá, và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (iv) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**4.14. Thuế**

***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):***

- Hàng hóa của công ty chịu mức thuế GTGT: 10%

***Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):***

Công ty phải nộp thuế TNDN với mức thuế suất là 20%

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

**4.15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**4.16. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác,



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mẫu số B09-DN**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.17. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận;
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**4.18. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau: sản xuất kinh doanh quần áo, dệt tất, vải, sợi các loại.

**Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Hà Nội.

**4.19. Bên liên quan**

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007. Cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số V8.7.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****5.1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	486.789.637	1.428.869.343
Tiền gửi ngân hàng	172.179.791	1.291.931.458
Tiền gửi ngân hàng VND	168.526.318	1.282.188.398
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Quang Minh	88.782.134	1.211.662.228
- Ngân hàng TNHH Indovina	832.406	2.541.641
- Ngân hàng TMCP Quân đội	-	890.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội	-	2.567.119
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	866.068	37.561.347
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	16.922.102	639.710
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	1.005.634	1.001.821
- Tiền gửi giao dịch chứng khoán	-	6.567.353
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	54.407.275	15.743.598
- Ngân hàng VP Bank	3.765.076	502.788
- Ngân hàng TMCP Quốc dân- Chi nhánh Hà Nội	1.945.623	2.510.793
Tiền gửi ngân hàng USD	3.653.473	9.743.060
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nguyễn Trãi	-	8.609.448
- Ngân hàng TNHH Indovina	226.800	224.700
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Hà Nội	917.204	908.912
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Quang Minh	2.509.469	
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>658.969.428</b>	<b>2.720.800.801</b>

**5.2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>33.132.690.487</b>	<b>27.215.021.024</b>
- Công ty Cổ Phần Đầu tư K&G Việt Nam	898.196.865	5.203.356.996
- Công ty TNHH Thương mại NTG Việt Nam	4.580.256.920	6.923.508.914
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Quang Minh	2.285.173.856	2.955.173.856
- Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	4.481.025.444	1.829.337.840
- Các khoản phải thu khách hàng khác	20.888.037.402	10.303.643.418
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>		
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>4.632.506.405</b>	<b>1.829.337.840</b>
- Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	4.481.025.444	1.829.337.840
- Công ty Cổ phần Melange Việt Nam	151.480.961	-

**5.3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>a) Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>22.030.148.513</b>	<b>31.418.885.353</b>
- Công ty Cổ phần phụ liệu may mặc VTC	12.523.575.000	20.000.000.000
- Công ty Cổ phần Lữ hành Quốc tế Đại Minh	8.565.945.400	10.000.000.000
- Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	940.628.113	1.418.885.353
<b>b) Trả trước cho người bán dài hạn</b>		
<b>c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>1.043.259.300</b>
- Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	-	1.043.259.300



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

**5.4 . PHẢI THU KHÁC**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	17.803.282.191	-	1.010.314.999	-
- Tạm ứng	75.518.892		846.863.610	
- Phải trả, phải nộp khác	2.026.313			
- Cho mượn				
- Các khoản chi hộ				
- Phải thu khác	17.725.736.986		163.451.389	
+ Ông Nguyễn Quang Dũng (*)	17.645.000.000			
+ Các đối tượng khác	80.736.986		163.451.389	

**b) Dài hạn**

-

**c) Phải thu khác là các bên liên quan**

(\*) Khoản phải thu chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng chưa thu được.

**5.5 . PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	6.900.000.000		-	
+ Ông Tạ Duy Tuấn	6.900.000.000			
b) Dài hạn	-		-	

Cho ông Tạ Duy Tuấn vay theo hợp đồng cho vay tiền số HĐCV/PT-CN số 02/2017 ngày 12 tháng 09 năm 2017 số tiền 3 tỷ đồng và hợp đồng cho vay tiền số HĐCV/PT-CN số 03/2017 ngày 27 tháng 09 năm 2017 số tiền 5 tỷ đồng, lãi suất 11%/ năm, không có tài sản đảm bảo, thời hạn vay 12 tháng.

**5.6 . HÀNG TỒN KHO**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường				-
Nguyên vật liệu	9.784.199.530	-	19.795.715.941	-
Công cụ, dụng cụ	290.845.526	-	329.742.740	-
Chi phí SXKD dở dang	87.314.550	-	131.505.051	-
Thành phẩm nhập kho	16.095.101.740	-	4.614.723.695	-
Hàng hóa	10.869.838.196		9.704.171.601	-
<b>Cộng</b>	<b>37.127.299.542</b>	<b>-</b>	<b>34.575.859.028</b>	<b>-</b>

• Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có

**5.7 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang (Chi tiết các công trình chiếm 10% trở lên)	227.000.000	227.000.000	-	-
+ Mua sắm	227.000.000	227.000.000		

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Mẫu số B 09 - DN****5.8 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH***Đơn vị tính: VND*

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	<b>81.334.285.714</b>	-	<b>108.420.000.000</b>	-
- Đầu tư vào Công ty con	-	-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	<b>47.914.285.714</b>	- (*)	<b>75.000.000.000</b>	- (*)
+ Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng - tỷ lệ sở hữu 47,5%	40.714.285.714		75.000.000.000	
+ Công ty Cổ phần Melange Việt Nam - tỷ lệ sở hữu 48%	7.200.000.000		-	-
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	<b>33.420.000.000</b>	- (*)	<b>33.420.000.000</b>	- (*)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư NHP - tỷ lệ sở hữu 15,15%	30.000.000.000		30.000.000.000	
+ Công ty Cổ phần Dệt may Supertex - tỷ lệ sở hữu 19%	3.420.000.000		3.420.000.000	

**- Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty con, công ty liên kết, liên doanh trong năm:**

+ Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, thương mại hàng dệt kim như tất, quần áo...

+ Công ty CP Melange Việt Nam là công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại các mặt hàng thời trang...

**- Các giao dịch của yếu của Công ty với các công ty liên kết trong năm:**

+ Các giao dịch chủ yếu của các Công ty liên kết với Công ty mẹ chủ yếu là mua hàng hóa, thành phẩm.

+ Công ty Cổ phần May Phú Thành đã thoái vốn tại Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng. Theo đó, quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần May Phú Thành tại Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng giảm từ 87,5% xuống còn 47,5% tại ngày 25/09/2017.

(\*) : Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để thuyết minh theo quy định tại điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài Chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cho mục đích thuyết minh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

**5.9 . NỢ XẤU**

Đơn vị : VND

	Cuối năm		Đầu năm		Dự phòng	Dự phòng
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		
- Các khoản phải thu ngắn hạn						
- Công ty TNHH Ecogarden Việt Nam	139.520.200	-	139.520.200	97.664.140	(139.520.200)	(41.856.060)
- Công ty TNHH Trường Thọ Phát	118.898.819	83.229.173	(35.669.646)	-	(35.669.646)	-
- Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Shin Hwa Việt Nam	146.901.900	102.831.330	(44.070.570)	-	(44.070.570)	-
- Công ty TNHH Vải giấy Thanh Cường	1.458.900.000	1.021.230.000	(437.670.000)	-	(437.670.000)	-
- Công ty Cổ phần Thời trang 4U	44.312.800	31.018.960	(13.293.840)	-	(13.293.840)	-
- Báo Đầu tư	22.000.110	15.400.077	(6.600.033)	-	(6.600.033)	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Q&G Việt Nam	59.967.241	41.977.069	(17.990.172)	-	(17.990.172)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.990.501.070</b>	<b>1.295.686.609</b>	<b>(694.814.461)</b>	<b>97.664.140</b>	<b>(41.856.060)</b>	<b>(41.856.060)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHỤ THÀNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

**5.10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	31.400.000	27.347.634.011	3.274.880.000		30.653.914.011
Tăng trong năm		6.124.454.545			6.124.454.545
- Mua trong năm		6.124.454.545			6.124.454.545
Giảm trong năm					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	31.400.000	33.472.088.556	3.274.880.000		36.778.368.556
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	3.169.073	2.353.538.497	27.290.667		2.383.998.237
Tăng trong năm	10.466.664	2.862.410.999	327.488.004		3.200.365.667
- Số khấu hao trong năm	10.466.664	2.862.410.999	327.488.004		3.200.365.667
- Tăng khác					
Giảm trong năm					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	13.635.737	5.215.949.496	354.778.671		5.584.363.904
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	28.230.927	24.994.095.514	3.247.589.333		28.269.915.774
2. Tại ngày cuối năm	17.764.263	28.256.139.060	2.920.101.329		31.194.004.652

• Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 24.313.647.876 VND

• Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

**5.11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	68.176.299	116.203.518
- Chi phí mua bảo hiểm	48.753.142	55.534.388
- Chi phí khác	19.423.157	60.669.130
b) Dài hạn	7.095.027.615	9.609.080.235
- Chi phí thuê tầng 3 tòa nhà SME Hoàng Gia	6.041.092.984	9.080.928.536
- Chi phí khác	1.053.934.631	528.151.699
<b>Cộng</b>	<b>7.163.203.914</b>	<b>9.725.283.753</b>

**5.12 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>21.936.555.174</b>	<b>21.936.555.174</b>	<b>28.607.043.400</b>	<b>28.607.043.400</b>
- Chi nhánh Công ty Dệt 19/05 Hà Nội	5.040.756.600	5.040.756.600	-	-
- Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng	9.622.272.573	9.622.272.573	24.948.776.521	24.948.776.521
- Phải trả cho các đối tượng khác	7.273.526.001	7.273.526.001	3.658.266.879	3.658.266.879
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
- Công ty CP Delex Việt Nam	-	-	469.200.000	469.200.000
- Công ty TNHH Thịnh Phát	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Phú Mỹ	541.031.300	541.031.300	-	-
- Shaoxing Golden Gulf Import & Export.Co.LTD	409.151.604	409.151.604	-	-
- Các đối tượng khác	403.326.861	403.326.861	-	-
<b>d) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
- Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng	9.622.272.573	9.622.272.573	24.948.776.521	24.948.776.521

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

5.13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.059.574.857	5.059.574.857	1.011.615.940	1.011.615.940
- Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP	868.000.000	868.000.000	868.000.000	868.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Tân Phú Mỹ	2.430.796.100	2.430.796.100	-	-
- Công ty TNHH TM H&P Việt Nam	534.201.986	534.201.986	-	-
- Công ty TNHH Malis Việt Nam	667.701.430	667.701.430	-	-
- Đối tượng khác	558.875.341	558.875.341	143.615.940	143.615.940
b) Người mua trả tiền trước dài hạn				
c) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan				

**5.14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
a) Phải nộp	2.729.091.057	2.135.536.374	3.636.724.468	1.227.902.963
- Thuế GTGT	-	-	-	-
- Thuế TNDN	2.729.091.057	1.243.830.624	2.750.840.092	1.222.081.589
- Thuế TNCN	-	235.635.720	234.135.720	1.500.000
- Thuế xuất nhập khẩu	-	5.950.022	5.950.022	-
- Các loại thuế khác	-	30.000.000	30.000.000	-
- Các khoản phí, lệ phí	-	620.120.008	615.798.634	4.321.374
b) Phải thu	Đầu năm	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	Cuối năm
- Thuế GTGT được khấu trừ	1.903.404	-	-	1.903.404

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**5.15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	80.000.000	160.000.000
- Trích trước chi phí kiểm toán	80.000.000	160.000.000
b) Dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>80.000.000</b>	<b>160.000.000</b>

**5.16 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	-	43.094.964
- Bảo hiểm xã hội	-	15.174.770
- Bảo hiểm y tế	-	20.185.225
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	7.734.969

**b) Dài hạn****c) Phải trả người bán là các bên liên quan****d) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**5.17 .VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Mẫu số B 09 - DN					
	Đơn vị tính: VND					
	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	<b>41.352.961.478</b>	<b>41.352.961.478</b>	<b>81.146.033.906</b>	<b>79.263.740.173</b>	<b>39.470.667.745</b>	<b>39.470.667.745</b>
- Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam- CN Quang Minh (1)	17.709.674.261	17.709.674.261	35.715.964.653	37.227.055.603	19.220.765.211	19.220.765.211
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng- CN Ngô Quyền	-	-	-	333.400.000	333.400.000	333.400.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng- CN Kinh Đô (2)	1.421.626.000	1.421.626.000	3.036.626.000	1.615.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây (3)	19.998.584.294	19.998.584.294	40.170.366.330	40.088.284.570	19.916.502.534	19.916.502.534
- Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - CN Hà Tây (4)	740.000.000	740.000.000	740.000.000	-	-	-
- Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam- CN Quang Minh (5)	360.000.000	360.000.000	360.000.000	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây (6)	1.123.076.923	1.123.076.923	1.123.076.923	-	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>	<b>8.249.172.662</b>	<b>8.249.172.662</b>	<b>-</b>	<b>4.404.615.385</b>	<b>12.653.788.047</b>	<b>12.653.788.047</b>
- Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - CN Hà Tây (4)	1.643.713.500	1.643.713.500	-	1.480.000.000	3.123.713.500	3.123.713.500
- Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam- CN Quang Minh (5)	990.074.547	990.074.547	-	1.240.000.000	2.230.074.547	2.230.074.547
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây (6)	5.615.384.615	5.615.384.615	-	1.684.615.385	7.300.000.000	7.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>49.602.134.140</b>	<b>49.602.134.140</b>	<b>81.146.033.906</b>	<b>83.668.355.558</b>	<b>52.124.455.792</b>	<b>52.124.455.792</b>

(1) Hợp đồng tín dụng số 01/2017/6700554/HĐTĐ ngày 19 tháng 06 năm 2017 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh, hạn mức tín dụng là 18 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.

(2) Hợp đồng tín dụng số 220517-262813-01-SME ngày 31 tháng 05 năm 2017 vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đông Đô, hạn mức tín dụng 3 tỷ đồng, thời hạn vay đến hết 30/04/2018, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C.

(3) Hợp đồng số 83/HMKHDN/CBHT-MPT ngày 21 tháng 08 năm 2017 vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây, hạn mức tín dụng là 30 tỷ, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động để thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, hàng hóa và các chi phí khác phụ vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Tài sản thế chấp là 01 bất động sản tại xóm Thông Nhất, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội đứng tên hộ ông Tạ Duy Lư và 01 bất động sản tại xóm Trần Phú, xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, đứng tên ông Tạ Văn Toàn và bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

(4) Hợp đồng tín dụng số 02/2016/6700554/HĐTĐ tháng 5 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây; hạn mức tín dụng 3,7 tỷ đồng; thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 11% đến hết 30/06/2016 và được điều chỉnh vào ngày đầu mỗi quý; mục đích vay thanh toán tiền mua 5 máy dệt quần sịp mới.

(5) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/6700554/HĐTĐ ngày 06 tháng 06 năm 2016 vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh, hạn mức tín dụng 20 tỷ đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, lãi suất quy định trong từng khế ước, mục đích vay đầu tư 26 máy dệt quần Sịp, tài sản đảm bảo là 26 máy dệt quần Sịp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

**5.18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>96.000.000.000</b>	-	-	-	-	<b>14.018.761.421</b>	<b>110.018.761.421</b>
Tăng vốn năm trước	59.520.000.000						59.520.000.000
Lãi trong năm trước				1.162.555.858		4.430.221.644	4.430.221.644
Tăng khác						-	1.162.555.858
Giảm vốn trong năm trước							-
Lỗ trong năm trước							-
Giảm khác							-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>155.520.000.000</b>	-	-	<b>1.162.555.858</b>	-	<b>13.374.535.358</b>	<b>13.374.535.358</b>
Tăng vốn trong năm nay							
Lãi trong năm nay						4.029.091.104	4.029.091.104
Tăng khác							-
Giảm vốn trong năm nay							-
Lỗ do hoàn nhập trong năm nay							-
Giảm khác						5.065.600.000	5.065.600.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>155.520.000.000</b>	-	-	<b>1.162.555.858</b>	-	<b>4.037.938.811</b>	<b>160.720.494.669</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

<b>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ lệ vốn góp</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	155.520.000.000	155.520.000.000
		-	-
<b>Cộng</b>		<b>155.520.000.000</b>	<b>155.520.000.000</b>

<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	155.520.000.000	96.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm		59.520.000.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	155.520.000.000	155.520.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.065.600.000	-

<b>d) Cổ phiếu</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.552.000	15.552.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.552.000	15.552.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.552.000	15.552.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.552.000	15.552.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.552.000	15.552.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng	10.000 đồng
* Lãi cơ bản trên cổ phiếu	259	448

**đ) Cổ tức**

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

<b>e) Các quỹ của doanh nghiệp</b>	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	1.162.555.858	1.162.555.858
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

**g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.**

**5.19 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH**



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

	Năm nay	Năm trước
<b>6.1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
a) Doanh thu	105.744.413.090	77.895.254.260
- Doanh thu quần áo, bít tất	57.509.806.733	56.914.174.921
- Doanh thu sợi, vải các loại	44.627.268.003	20.230.871.339
- Doanh thu khác	3.607.338.354	750.208.000
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	8.410.833.440	5.323.315.200
+ Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	8.387.583.440	5.323.315.200
+ Trịnh Đắc Hạnh	23.250.000	-
<b>Cộng</b>	<b>105.744.413.090</b>	<b>77.895.254.260</b>
<b>6.2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>		
	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	-	87.274
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>87.274</b>
<b>6.3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
Giá vốn của hàng đã bán	93.021.600.319	68.424.269.200
- Giá vốn quần áo, bít tất	48.212.839.124	47.689.111.425
- Giá vốn sợi, vải các loại	42.076.597.322	20.260.687.712
- Giá vốn khác	2.732.163.873	474.470.063
<b>Cộng</b>	<b>93.021.600.319</b>	<b>68.424.269.200</b>
<b>6.4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, cho vay	341.219.518	843.158.566
Lãi chênh lệch tỷ giá	192.059	21.200
Lãi chuyển nhượng 1 phần vốn góp công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng	714.285.714	-
<b>Cộng</b>	<b>1.055.697.291</b>	<b>843.179.766</b>
<b>6.5 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	4.456.122.492	2.848.130.353
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.389.297	50.485.737
<b>Cộng</b>	<b>4.467.511.789</b>	<b>2.898.616.090</b>
<b>6.6 . THU NHẬP KHÁC</b>		
	Năm nay	Năm trước
- Thu nhập khác	260.070.483	202.000.106
<b>Cộng</b>	<b>260.070.483</b>	<b>202.000.106</b>
<b>6.7 . CHI PHÍ KHÁC</b>		
	Năm nay	Năm trước
- Các khoản phạt chậm nộp	706.825.608	68.820.502
- Chi phí khác	201.308.363	-
<b>Cộng</b>	<b>908.133.971</b>	<b>68.820.502</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

<b>6.8 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>a) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>2.759.231.282</b>	<b>1.692.935.243</b>
Chi phí nhân viên	706.625.117	529.160.000
Chi phí trả trước, khấu hao tài sản cố định	337.954.668	442.767.311
Chi phí dự phòng	652.958.401	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.061.693.096	721.007.932
<b>b) Các chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>630.781.775</b>	<b>300.723.643</b>
Chi phí nhân viên	277.620.978	210.420.000
Chi phí bán hàng khác	353.160.797	90.303.643
<b>c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>6.9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	48.983.003.020	35.678.159.563
Chi phí nhân công	4.395.996.221	3.464.972.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.200.365.667	1.702.171.049
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.746.063.463	2.510.332.607
Chi phí dự phòng	652.958.401	-
Chi phí bằng tiền khác	2.354.356.613	298.112.681
<b>Cộng</b>	<b>61.332.743.385</b>	<b>43.653.747.900</b>
<b>6.10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.272.921.728	5.554.982.180
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	946.231.392	68.820.502
+ Chi phí không được trừ	946.231.392	68.820.502
- Các khoản điều chỉnh giảm lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	6.219.153.120	5.623.802.682
Thu nhập chịu thuế 20%	1.243.830.624	1.124.760.536
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN hiện hành	1.243.830.624	1.124.760.536
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4.029.091.104	4.430.221.644
<b>6.12 LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU</b>		
Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:		
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty	4.029.091.104	4.430.221.644
Phân phối cho quỹ khen thưởng và phúc lợi		
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	4.029.091.104	4.430.221.644
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm để tính lãi cơ bản	15.552.000	9.888.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>259</b>	<b>448</b>

Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc năm tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

**7 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

<b>3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>	<b>Năm nay</b>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	81.146.033.906

<b>4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>	<b>Năm nay</b>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	83.668.355.558

**8 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

**8.2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Công ty thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty Cổ phần Dệt may Supertex theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1001/2018/MPT/NQ-HĐQT ngày 10/01/2018 của Công ty Cổ phần May Phú Thành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÁNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**8.3. BÁO CÁO BỘ PHẬN****8.3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (chính yếu)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

**Năm nay**

Chỉ tiêu	Quản áo, bit tất	Sợi, vải các loại	Hoạt động khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	57.509.806.733	44.627.268.003	3.607.338.354	105.744.413.090
Các khoản giảm trừ doanh thu				
Giá vốn hàng bán	48.212.839.124	42.076.597.322	2.732.163.873	93.021.600.319
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>9.296.967.609</b>	<b>2.550.670.681</b>	<b>875.174.481</b>	<b>12.722.812.771</b>
Tổng giá trị còn lại của tài sản				239.607.939.732
Nợ phải trả				78.887.445.063
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>6.124.454.545</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>7.039.837.647</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				<b>-</b>

Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÁNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

Năm trước

Chỉ tiêu	Quần áo, bất tất	Sợi, vải các loại	Hoạt động khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu	56.914.262.195	20.230.871.339	750.208.000	77.895.341.534
Các khoản giảm trừ doanh thu	87.274			87.274
Giá vốn hàng bán	47.689.111.425	20.260.687.712	474.470.063	68.424.269.200
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>9.225.063.496</b>	<b>(29.816.373)</b>	<b>275.737.937</b>	<b>9.470.985.060</b>
Tổng giá trị còn lại của tài sản				247.013.582.647
Nợ phải trả				85.256.579.082
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				23.492.906.011
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				1.702.171.049
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				-

**8.3.2 Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (thứ yếu)**

Năm nay

Chỉ tiêu	Trong nước	Xuất khẩu	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	105.047.654.527	696.758.563		105.744.413.090
Tài sản bộ phận				31.194.004.652
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ				6.124.454.545

Năm trước

Chỉ tiêu	Trong nước	Xuất khẩu	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng ra bên ngoài	77.895.341.534			77.895.341.534
Tài sản bộ phận				28.269.915.774
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ				23.492.906.011

**8.4 Các sự kiện quan trọng phát sinh trong niên độ**

Trong năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng một phần vốn góp tại Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng cho ông Nguyễn Quang Dũng. Đến ngày 31/12/2017 Công ty Cổ phần May Phú Thành sở hữu 47,5% vốn góp của Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng từ ngày 25/09/2017. Do đó, từ ngày 25/09/2017 Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng trở thành công ty liên kết của Công ty Cổ phần May Phú Thành.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 090102/2017/MPT/NQ-HĐQT ngày 09/01/2017 thông qua việc đầu tư vào Công ty Cổ phần Melange Việt Nam, Công ty Cổ phần May Phú Thành đầu tư 7,2 tỷ tương đương tỷ lệ sở hữu là 48% vào Công ty Cổ phần Melange Việt Nam.

**8.5 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

**8.6 Công cụ tài chính**

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**(i) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

*Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. (Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

*Rủi ro về ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

**(ii) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có thể có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình, và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đơn vị tính: VND

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

## (iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Ngày 31/12/2017	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	658.969.428		658.969.428
Phải thu khách hàng	33.132.690.487		33.132.690.487
Đầu tư		81.334.285.714	81.334.285.714
Phải thu khác	17.803.282.191		17.803.282.191
Tài sản tài chính khác	2.800.046.051	7.095.027.615	9.895.073.666
<b>Trừ:</b>	<b>694.814.461</b>	<b>-</b>	<b>694.814.461</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	694.814.461		694.814.461
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		-	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>53.700.173.696</b>	<b>88.429.313.329</b>	<b>142.129.487.025</b>
Các khoản vay và nợ	41.352.961.478	8.249.172.662	49.602.134.140
Phải trả người bán	21.936.555.174		21.936.555.174
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	80.000.000		80.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>63.369.516.652</b>	<b>8.249.172.662</b>	<b>71.618.689.314</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(9.669.342.956)</b>	<b>80.180.140.667</b>	<b>70.510.797.711</b>
Ngày 01/01/2017	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.720.800.801		2.720.800.801
Phải thu khách hàng	27.215.021.024		27.215.021.024
Đầu tư		108.420.000.000	108.420.000.000
Phải thu khác	1.010.314.999		1.010.314.999
Tài sản tài chính khác	3.815.561.493	9.609.080.235	13.424.641.728
<b>Trừ:</b>	<b>41.856.060</b>	<b>-</b>	<b>41.856.060</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	41.856.060		41.856.060
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.719.842.257</b>	<b>118.029.080.235</b>	<b>152.748.922.492</b>
Các khoản vay và nợ	39.470.667.745	12.653.788.047	52.124.455.792
Phải trả người bán	28.607.043.400		28.607.043.400
Phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	203.094.964		203.094.964
<b>Tổng cộng</b>	<b>68.280.806.109</b>	<b>12.653.788.047</b>	<b>80.934.594.156</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(33.560.963.852)</b>	<b>105.375.292.188</b>	<b>71.814.328.336</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHỤ THÀNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

**(iv) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý		Đơn vị tính: VND
	31/12/2017	01/01/2017	31/12/2017	01/01/2017	
<b>Tài sản tài chính</b>					
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			-	-	
Các khoản cho vay và phải thu					
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.241.158.217	28.183.479.963	50.241.158.217	28.183.479.963	
Tài sản tài chính khác					
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán					
Tiền và các khoản tương đương tiền	658.969.428	2.720.800.801	658.969.428	2.720.800.801	
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.900.127.645</b>	<b>30.904.280.764</b>	<b>50.900.127.645</b>	<b>30.904.280.764</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>					
Nợ phải trả tài chính					
Vay và nợ	49.602.134.140	52.124.455.792	49.602.134.140	52.124.455.792	
Phải trả người bán	21.936.555.174	28.607.043.400	21.936.555.174	28.607.043.400	
Phải trả khác	-	43.094.964	-	-	
<b>Tổng cộng</b>	<b>71.538.689.314</b>	<b>80.774.594.156</b>	<b>71.538.689.314</b>	<b>80.731.499.192</b>	

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31/12/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên, Ban Tổng giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MAY PHÚ THÀNH**

Cụm CN Trường An, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: VND

**8.7 . Thông tin về các bên liên quan****a) Các bên liên quan**

Trong năm tài chính và tại ngày kết thúc năm tài chính, bên sau đây được nhận biết là bên liên quan của Công ty:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng	Công ty liên kết	47,5%
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	Thành viên chủ chốt có quan hệ mật thiết trong gia đình	
Công ty Cổ phần Melange Việt Nam	Công ty liên kết	48%

**Giao dịch với các bên liên quan**

Ngoài thuyết minh các bên liên quan đã nêu trên, trong năm tài chính các nghiệp vụ của Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Giao dịch	Đơn vị tính: VND Giá trị
Công ty TNHH Dệt kim Phú Vĩnh Hưng	Mua hàng hóa, dịch vụ	61.713.188.909
	Trả tiền hàng hóa, dịch vụ	77.039.692.857
Công ty TNHH May mặc và Thương mại Phú Vĩnh Hưng	Mua hàng hóa, dịch vụ	2.220.520.400
	Thu tiền đặt cọc hàng hóa	1.093.259.300
	Trả tiền hàng hóa dịch vụ	2.270.520.400
	Bán hàng hóa	9.226.341.784
	Thu tiền bán hàng	6.054.654.180
Công ty Cổ phần Melange Việt Nam	Bán hàng hóa, dịch vụ	421.480.961
	Thu tiền hàng hóa dịch vụ	270.000.000

**b) Thủ lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND
Nguyễn Viết Tùng	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	88.590.000
Chu Ngọc Cường	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD	54.000.000
Bùi Thị Lệ Thúy	Trưởng Ban kiểm soát (bổ nhiệm từ ngày 28/04/2017)	46.887.462
Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên Ban kiểm soát	63.711.077
<b>Tổng cộng</b>		<b>253.188.539</b>

**8.8 . Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần May Phú Thành đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán.

**8.9 . Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8.10 . Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trong yếu tố nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập



Nông Kim Nhân

Kế toán trưởng



Nông Kim Nhân

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Tổng Giám đốc



  
Nguyễn Viết Tùng